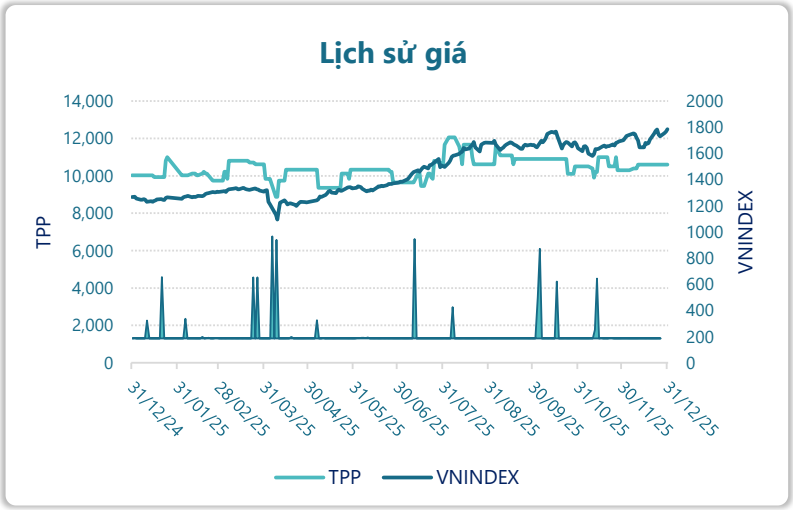
FireAnt

CTCP Tân Phú Việt Nam (HNX: TPP)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,058
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,874
SL cổ phiếu LH	62,886,282
KLGD BQ 20 phiên (CP)	133,045
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	667
P/E	2.9
EPS	3,659

DT thuần

Q4/25

804

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 66.0| 8.9%

YoY: ▼110| -12.1%

LN sau thuế

Q4/25

159

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 119| 300%

YoY: ▲ 139| 704%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

13.0%

+/- YoY: ▲ 9.1%

DT thuần

2025

3,153

tỷ VNĐ

YoY: ▼21.0| -0.7%

LN sau thuế

2025

230

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 188| 453%

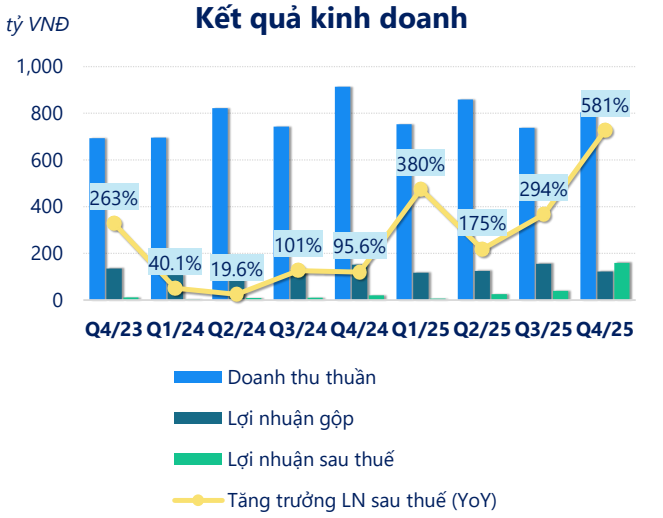
ROE

2025

30.3%

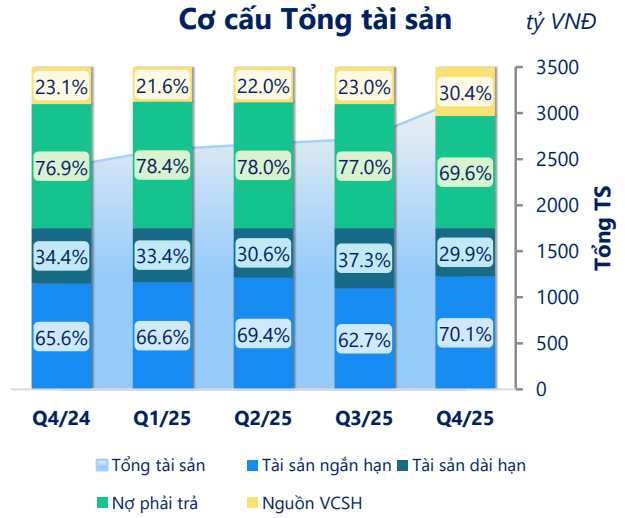
+/- YoY: ▲ 22.5%

Kết quả kinh doanh



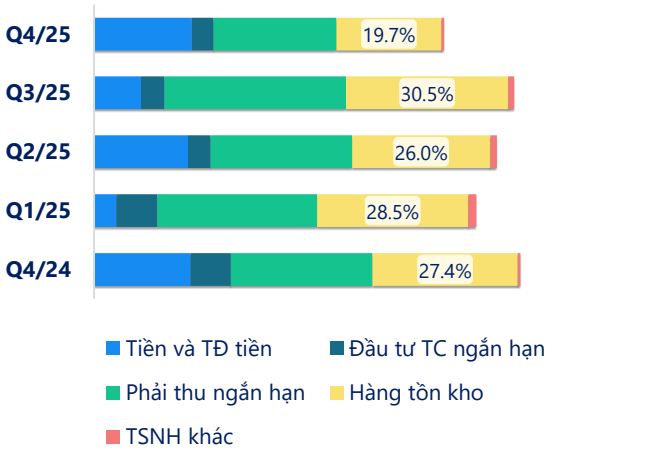
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



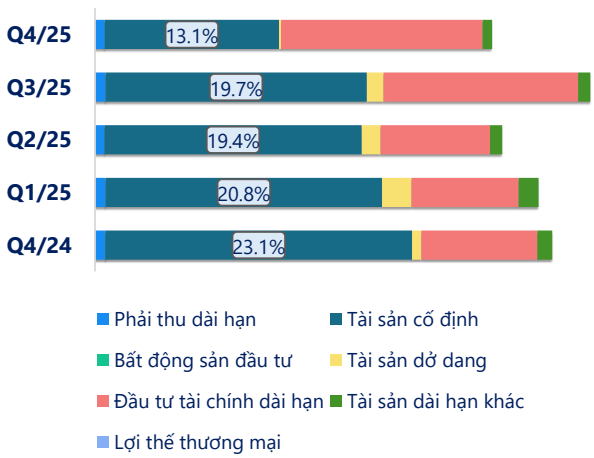
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



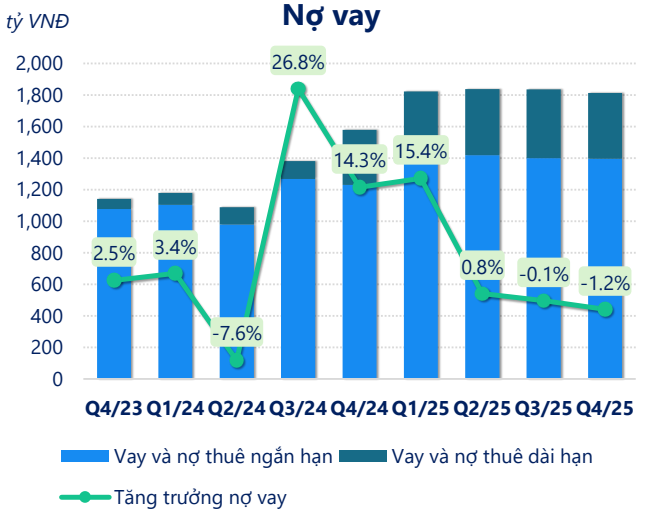
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



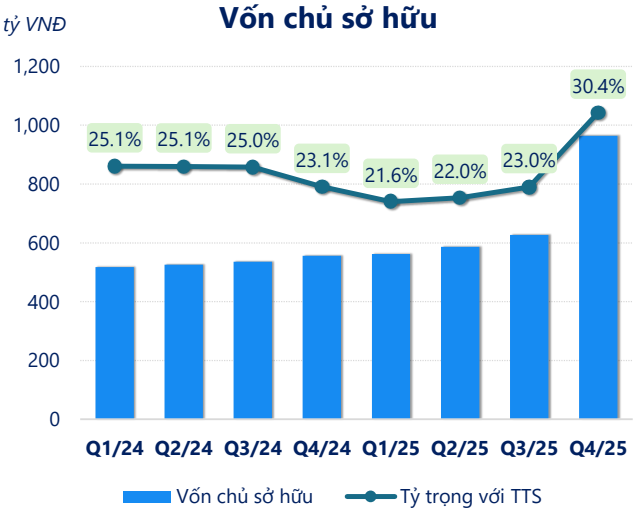
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



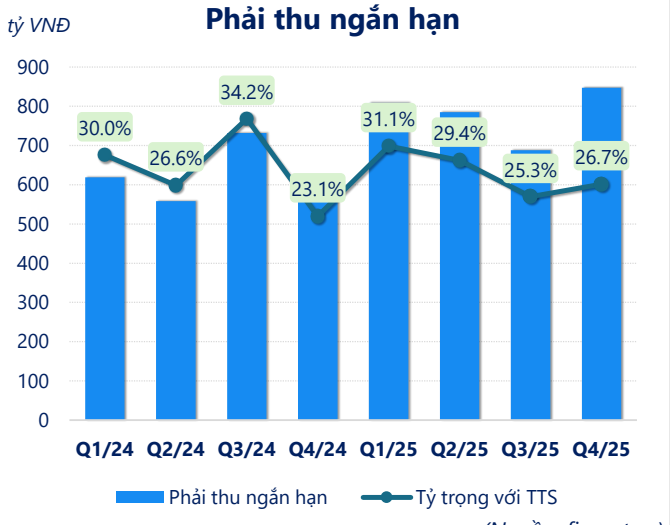
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



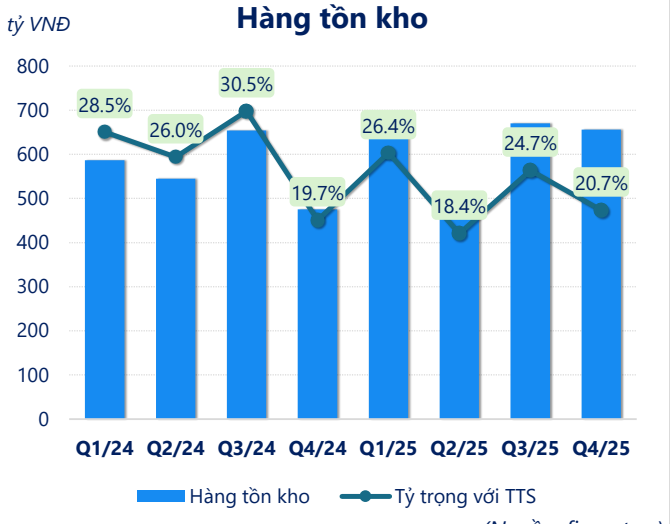
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



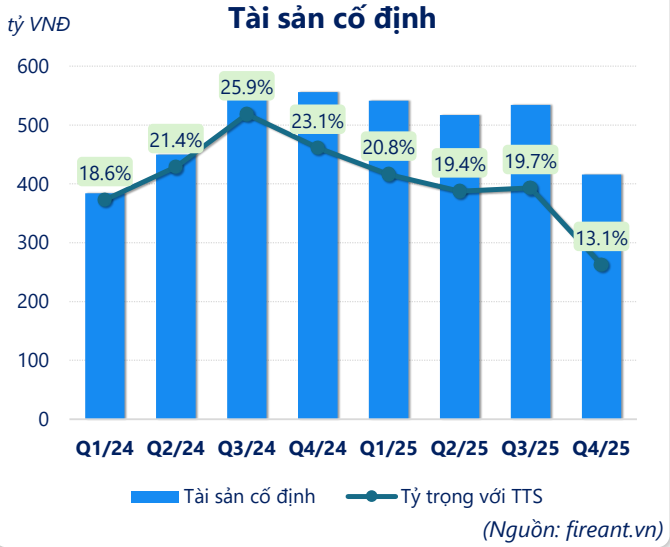
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



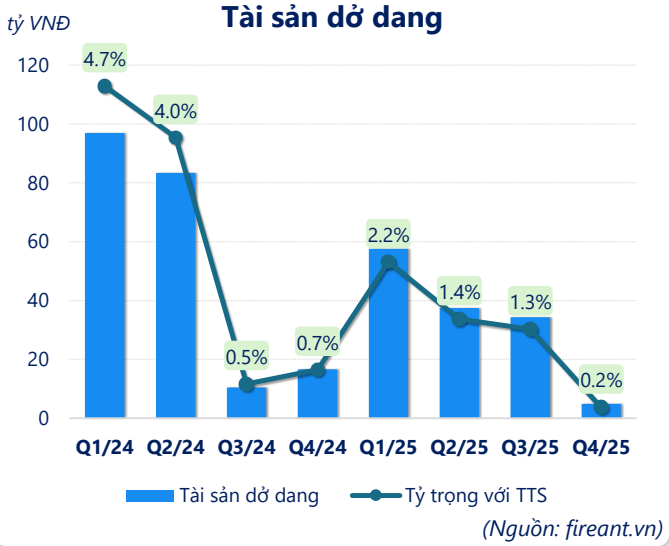
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



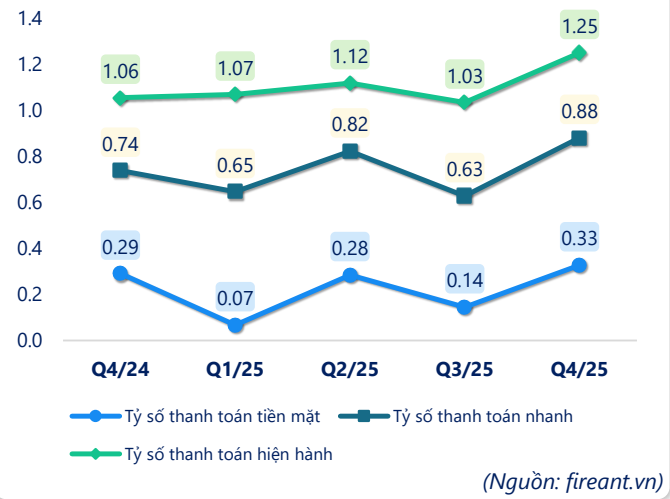
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



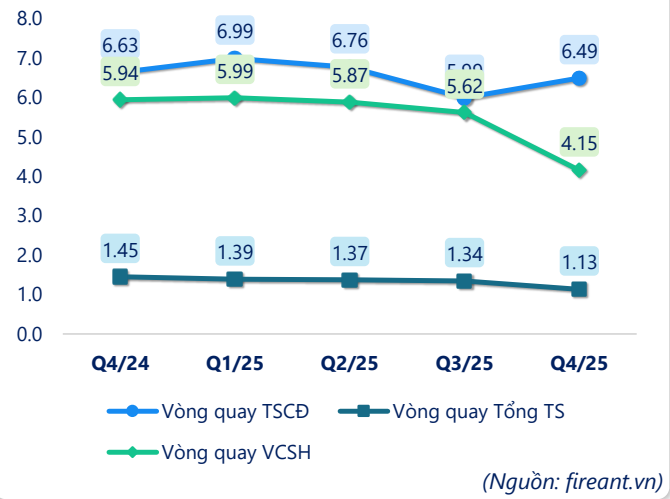
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**2,408**	**2,603**	**2,668**	**2,718**	**3,169**
Tài sản ngắn hạn	**1,580**	**1,734**	**1,851**	**1,706**	**2,222**
Tiền và tương đương tiền	436	109	471	239	582
Đầu tư tài chính ngắn hạn	99.5	99.6	84.6	83.6	116
Phải thu ngắn hạn	556	808	785	688	848
Hàng tồn kho	475	687	491	670	656
Tài sản ngắn hạn khác	13.2	30.8	19.3	25.2	20.7
Tài sản dài hạn	**828**	**868**	**817**	**1,013**	**947**
Phải thu dài hạn	18.9	20.9	18.7	21.5	23.1
Tài sản cố định	556	541	517	534	416
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	16.6	57.6	37.5	34.3	4.83
Đầu tư tài chính dài hạn	210	210	220	398	480
Tài sản dài hạn khác	27.1	38.6	24.3	24.6	22.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,853**	**2,041**	**2,082**	**2,092**	**2,205**
Nợ ngắn hạn	**1,496**	**1,621**	**1,654**	**1,648**	**1,777**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,230	1,411	1,418	1,399	1,396
Phải trả người bán ngắn hạn	147	137	133	141	178
Nợ dài hạn	357	420	428	444	428
Vay và nợ thuê dài hạn	348	411	419	436	418
Nguồn vốn chủ sở hữu	**556**	**562**	**587**	**626**	**964**
Vốn chủ sở hữu	**556**	**562**	**587**	**626**	**964**
Vốn điều lệ	450	450	450	450	629
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)